

Số: 64/2026/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 57; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2026/TLST-VHNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Văn T, sinh ngày 01/01/1980; Số CCCD: 09108001692; thường trú: Tổ 2, ấp P, xã Đ, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Phòng số 18, nhà trọ Nguyễn Văn B, Tổ 1a, khu phố 1, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị V, sinh ngày 01/01/1983; Số CCCD: 091183008086; thường trú: Tổ 2, ấp P, xã Đ, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Phòng số 18, nhà trọ Nguyễn Văn B, Tổ 1a, khu phố 1, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Đ, tỉnh An Giang) vào ngày 30/8/2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thường xuyên cãi vã nhau.

Nay, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Thị Bích N, sinh ngày 14/7/2011, Phạm Minh K, sinh ngày 09/02/2001 và Phạm Thị Bích Tr, sinh ngày 02/6/2005. Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V thoả thuận giao con chung tên Phạm Thị Bích N cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị V không yêu cầu ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Phạm Minh K và Phạm Thị Bích Tr đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con sau ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thị Bích N, sinh ngày 14/7/2011 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị V về việc không yêu cầu ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. 02 con chung tên Phạm Minh K, sinh ngày 09/02/2001 và Phạm Thị Bích Tr, sinh ngày 02/6/2005 đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc

cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022208 ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Đ, tỉnh An Giang (GCNKH số 98 ngày 30/8/2007);
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

THẨM PHÁN

Đậu Thị Loan